

Bản án số: 06 / 2023/ HSST  
Ngày: 11/ 01/ 2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Nhật Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thanh Thu và ông Nguyễn Hà Giang.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao Cường – Thẩm tra viên  
Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2022/ HSST ngày 25 tháng 11 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

**- Họ và tên bị cáo:** Nguyễn Thị N, sinh năm 1995; nơi sinh tại tỉnh Ninh Bình; nơi ở và ĐKNKTT: Thôn T, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tử T và bà Dương Thị N; chồng, con: Chưa có.

Tiền án: Tại bản án số 181/2019/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Thị N 28 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Nguyễn Thị N đã chấp hành xong hình phạt ngày 07 tháng 12 năm 2020.

Tiền sự: Không.

Về Nhân thân: Tại bản án số 127/2021/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình, xử phạt Nguyễn Thị N 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ngày 10 tháng 8 năm 2022, N chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21 tháng 10 năm 2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay; có mặt.

**- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thị N:** Bà Dương Thị N, sinh năm 1969 - Là mẹ đẻ của bị cáo; trú tại: Thôn T, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N:**

+ Ông Phan Tiến M - Luật sư của văn Phòng luật sư Tiến M, thuộc đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình cử; vắng mặt có lý do và gửi bài bào chữa cho bị cáo.

+ Ông Phạm Văn S - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình cử; có mặt.

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1980 và chị Phạm Thị T, sinh năm 1985. Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn B: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985; trú tại: Xóm 8, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (theo văn bản ủy quyền lập ngày 21/7/2021), vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thị Hồng A; chị Nguyễn Thị H, vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị N, sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã N, thành phố Ninh Bình, là đối tượng đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, không có việc làm, thường xuyên đi lang thang. Khoảng 14 giờ ngày 19 tháng 7 năm 2021, Nguyễn Thị N cùng em gái là Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1998 thuê xe taxi do anh Bùi Văn H, sinh năm 1984, trú tại thôn M, xã K, huyện Y điều khiển chở đến nhà anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1980, trú tại xóm 8, xã K, huyện Y để làm lễ (*anh B làm thầy cúng có lập điện thờ trên tầng 2*). Khi đến nhà gặp anh B thì N và em gái được anh B dẫn lên khu điện thờ để lễ còn anh H quay xuống ngồi uống nước tại phòng khách ở tầng 1. Quá trình làm lễ, N phát hiện trong hộp gỗ để trên sập kê trước bàn thờ có tiền nên đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền đựng trong đó. Khoảng 15 giờ cùng ngày, sau khi làm lễ xong, N cùng em gái đi xuống phòng khách ở tầng 1. Sau đó, N nói dối là đi vệ sinh rồi lên lên khu điện thờ, dùng tay mở hộp gỗ và lấy số tiền là 10.520.000 đồng mà anh B bỏ vào trong đó. Tuy nhiên, khi N đang cầm số tiền ở trên tay thì bị chị Phạm Thị T, sinh năm 1985 (*là vợ anh B*) phát hiện xông tới giữ tay N lại và tri hô mọi người đến, thu giữ trên tay trái N đang cầm số tiền 10.520.000 đồng, tay phải cầm số tiền 1.000.000 đồng (là tiền của N). Sau đó chị T đã trình báo sự việc đến Công an xã K. Quá trình làm việc, Nguyễn Thị N đã khai nhận về hành vi trộm cắp của mình. Công an xã K đã đưa Nguyễn Thị N cùng tang vật về trụ sở lập biên bản. Sau đó chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã thu giữ 11.520.000 đồng cùng 01 túi giả da nâu nâu, đã cũ, kích thước (20x15x7)cm, mặt trước túi có gắn logo hình trái tim màu vàng, có quai đeo được thiết kế bằng dây xích kim loại và da dài 1,2m.

Qua điều tra xác định Nguyễn Thị N là đối tượng bị mắc bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ, đã điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình từ ngày 30/8/2007 đến ngày 09/10/2007 thì ra viện (Bệnh án tâm thần số 000308).

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y ra quyết định trưng cầu Viện giám định pháp y tâm thần Trung ương giám định pháp y tâm thần đối với Nguyễn Thị N.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 284/KLGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Viện pháp y tâm thần Trung ương xác định: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định, đối tượng Nguyễn Thị N bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

**Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:** Đối với số tiền 10.520.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Phạm Thị T. Chị T đã nhận tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Thị N.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng cùng 01 túi giả da màu nâu, đã cũ, kích thước (20x15x7)cm, mặt trước túi có gắn logo hình trái tim màu vàng, có quai đeo được thiết kế bằng dây xích kim loại và da dài 1,2m. Quá trình điều tra xác định là tài sản riêng của N, được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y để giải quyết theo vụ án.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị N đã khai nhận hành vi phạm tội của của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N, ra trước Tòa án nhân dân huyện Y để xét xử về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N với mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo ngày 21/10/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự: Đối với số tiền 10.520.000 đồng đã thu giữ. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T. Chị T đã nhận tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Trả lại cho bị cáo N 01 túi giả da màu nâu đã cũ, kích thước (20x15x7) cm, mặt trước túi có gắn logo hình trái tim màu vàng, có quai đeo được thiết kế bằng dây xích kim loại và da dài 1,2m và số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) là tài sản của bị cáo do không liên quan đến vụ án. Miễn án phí cho bị cáo vì thuộc hộ nghèo.

Người bào chữa cho bị cáo đều xác định: Bị cáo N đã thực hiện hành vi trộm cắp như bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi, bị cáo là người có bệnh, bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, người thuộc hộ nghèo và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, quy định tại điểm q,

s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đồng thời xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Miễn hình phạt bổ sung và án phí cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo xác định: Việc bị cáo bị truy tố là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình, bố bị cáo và em gái bị cáo đều bị bệnh như nhau, hiện gia đình thuộc hộ nghèo, nên xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại song lời khai có trong hồ sơ đã xác định việc bị mất tài sản như bị cáo khai nhận là đúng, tài sản đã được trả lại nên không có yêu cầu, đề nghị gì.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa không có ý kiến tranh luận gì, nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 19/7/2021, N đến nhà anh B để làm lễ cúng ở tầng 2 nhà anh B, trong khi làm lễ, N phát hiện trong hộp gỗ để trước bàn thờ có tiền nên đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền này. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, sau khi làm lễ xong, N cùng mọi người đi xuống tầng 1. Sau đó, N nói đi vệ sinh rồi lên lên tầng 2 đến khu điện thờ, dùng tay mở hộp gỗ và lấy số tiền 10.520.000 đồng của anh B bỏ trong hộp, khi N đang cầm số tiền ở trên tay thì bị chị T phát hiện xông tới giữ tay N lại và tri hô mọi người lên, thu giữ trên tay trái N đang cầm số tiền 10.520.000 đồng. Sau đó chị T trình báo Công an xã K. Công an xã K đã đưa N cùng tang vật về trụ sở lập biên bản. Sau đó chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y giải quyết theo thẩm quyền.

Nội dung Điều 173 tội trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

[3] Hành vi của bị cáo N đã lén lút chiếm đoạt số tiền 10.520.000 đồng để trong hộp gỗ của gia đình anh B, nên hành vi của N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, song do N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khi đang có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của gia đình anh B, được pháp luật bảo vệ mà còn gây ra sự bất bình trong nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn huyện Y. Bị cáo N mặc dù có kết luận giám định pháp y tâm thần số 284/KLGD ngày 27/9/2022 của Viện pháp y tâm thần Trung ương xác định: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định, đối tượng Nguyễn Thị N bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Nhưng theo quy định của Bộ luật Hình sự, bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm đã thực hiện, do vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội khi đang có tiền án về tội trộm cắp nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo thuộc gia đình hộ nghèo, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân sâu, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, do vậy cần phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt cho xã hội. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo, do bị cáo là hộ nghèo và lại không có nghề nghiệp.

[6] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Đối với số tiền 10.520.000 đồng thu giữ. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T. Chị T đã nhận tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N 01 túi giả da màu nâu, đã cũ, kích thước (20x15x7)cm, mặt trước túi có gắn logo hình trái tim màu vàng, có quai đeo được thiết kế bằng dây xích kim loại và da dài 1,2m và số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) là tài sản của bị cáo do không liên quan đến vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo N là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi và thuộc gia đình hộ nghèo, nên được xét miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người đại diện hợp pháp, người bào chữa và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên:**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo ngày 21/10/2022.

Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N 01 túi giả da màu nâu, đã cũ, kích thước (20x15x7)cm, mặt trước túi có gắn logo hình trái tim màu vàng, có quai đeo được thiết kế bằng dây xích kim loại và da dài 1,2m và số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) là tài sản của bị cáo do không liên quan đến vụ án.

Số tiền và vật chứng trên Công an huyện Y đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Y theo giấy ủy nhiệm chỉ ngày 01/12/2022 tại Kho bạc Nhà nước huyện Y và vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2022 giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

**2. Về án phí:** Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị N, do thuộc hộ nghèo.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị cáo, Người bào chữa có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người bào chữa vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; bị hại, Người bào chữa, Người ĐDHP;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Nhật Trung.**